

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1419/2025/DS-ST**

Ngày: 10 - 12 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Tuyền**.
2. Bà **Phan Thị Dòn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Phước** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Kim Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 435/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 09 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 13/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 510/2025/QĐST-DS ngày 12/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Quỹ trợ vốn Xã V – HTX TP.HCM (Quỹ C)**

Trụ sở: 5x – 5x BTX , phường BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc H**. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Trần Ngọc T**. Chức vụ: Trưởng Chi nhánh BC . Địa chỉ: 46x NHT, xã TN (thị trấn TT, huyện BC cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 14/3/2025) (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1967 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Nhà không số kế 3A3x/x ấp 72, xã TVL , Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1986 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Nhà không số kế 3A3x/x ấp 72, xã TVL, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/03/2025, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Trần Ngọc T trình bày:

Ngày 02/3/2020, Quỹ C – Chi nhánh BC đã ký Hợp đồng liên kết số 075/2020/HĐLK-BC với Tổ hợp tác 1D xã LMX, huyện BC (nay là xã BL), Thành phố Hồ Chí Minh, để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ C – Chi nhánh BC. Bà Võ Thị G— là người đại diện cho Tổ hợp tác 1D xã LMX, huyện BC (nay là xã BL), Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng liên kết với Quỹ C – Chi nhánh BC. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ hợp tác 1D xã LMX, huyện BC để sản xuất, kinh doanh, mua bán, dịch vụ, làm nông nghiệp theo sự giới thiệu và đề nghị của Cấp liên nhiệm.

Thông qua Hợp đồng này Quỹ C - Chi nhánh BC đã tiến hành trợ vốn cho 9 thành viên vào ngày 28/04/2023 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn CCM: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ C - gọi tắt là phí CCM), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ C - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoảng tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ C không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 28/04/2023 bà Lê Thị P đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 40.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì bà phải góp hàng tháng là: 4.100.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 3.540.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 27/04/2024. Thế nhưng bà Lê Thị P không góp đúng theo kế hoạch ban đầu. Đến ngày 10/03/2025, bà Lê Thị P vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ C. Tổng số tiền nợ là 29.340.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 26.005.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.335.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị P thanh toán nợ.

Do đó, Quỹ C – Chi nhánh BC yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc bà Lê Thị P có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ C - Chi nhánh BC tổng cộng số tiền là 29.340.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm bốn mươi ngàn) đồng theo đợt trợ vốn ngày 28/04/2023, bao gồm nợ vốn: 26.005.000 đồng; Nợ lãi (phí) 3.335.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị P thanh toán xong nợ.

2. Nếu bà Lê Thị P không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Nguyễn Hoàng V là người bảo lãnh nghĩa vụ phải trả nợ thay cho bà Lê Thị P khoản nợ nêu trên.

Bị đơn bà Lê Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Lê Thị P và ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

1. Người đại diện theo ủy quyền của Quỹ C ông Võ Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên có bản tự khai yêu cầu như sau:

- Buộc bà Lê Thị P có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ C
- Chi nhánh BC tạm tính đến ngày 10/12/2025 với số tiền là 14.440.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng theo đợt trợ vốn ngày 28/04/2023, bao gồm nợ vốn: 12.113.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.327.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị P thanh toán xong nợ.

- Nếu bà Lê Thị P không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Nguyễn Hoàng V là người bảo lãnh nghĩa vụ phải trả nợ thay cho bà Lê Thị P khoản nợ nêu trên.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn bà Lê Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt không lý do.

3. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Quỹ C khởi kiện bà Lê Thị P yêu cầu thanh toán khoản vay theo Hợp đồng liên kết số 075/2020/HĐLK-BC với Tổ hợp tác 1D xã LMX, huyện BC (nay là xã BL), Thành phố Hồ Chí Minh để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ C-Chi nhánh BC với mục đích hỗ trợ vốn các hộ dân thuộc Tổ hợp tác 1D xã LMX, huyện BC (nay là xã BL), Thành phố Hồ Chí Minh để sản xuất, kinh doanh, mua bán, dịch vụ, làm nông nghiệp. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ vào Kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 1916/TAKV10 ngày 20/10/2025 của Công an xã TVL, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: “Bà Lê Thị P

và ông Nguyễn Hoàng V có khai báo chỗ ở hiện nay tại nhà không số kế 3A3x/x, Ấp 72, xã TVL, Tp.HCM. Công dân đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên”. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Trần Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lê Thị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ quyết định số: 2539/QĐ-UB, ngày 13/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh về việc cho phép thành lập Quỹ trợ vốn Xã V – HTX TP.HCM (Quỹ C) trực thuộc Hội đồng Liên Minh các HTX Việt Nam thành phố;

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Võ Trần Ngọc Thơ yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị P có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ C – Chi nhánh BC tạm tính đến ngày 10/12/2025 với số tiền là 14.440.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng theo đợt trợ vốn ngày 28/04/2023, bao gồm nợ vốn: 12.113.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.327.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị P thanh toán xong nợ. Nếu bà Lê Thị P không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Nguyễn Hoàng V là người bảo lãnh nghĩa vụ phải trả nợ thay cho bà Lê Thị P khoản nợ nêu trên.

[3.2]. Căn cứ đơn xin trợ vốn của bà Lê Thị P đề ngày 28/04/2023; với nội dung vay tiền để kinh doanh tiêu dùng, phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn CCM: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ C - gọi tắt là phí CCM), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ C - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ C không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này). Căn cứ danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn ngày vay 28/04/2023 có ký nhận việc giao nhận tiền giữa các bên. Thể hiện bà Lê Thị P được duyệt và ký nhận số tiền 40.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định Quỹ trợ vốn Xã V - HTX Thành phố Hồ Chí Minh có cho bà Lê Thị P vay số tiền 40.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng với phí trợ vốn CCM: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ C - gọi tắt là phí CCM), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ C - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ C không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

[3.3]. Xét tính hợp pháp của sự thỏa thuận cho vay giữa các bên: Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội dung và hình thức của đơn đề nghị trợ vốn giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[3.4]. Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

- Ngày 28/04/2023 bà Lê Thị P đã nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng; theo thỏa thuận thì bà Lê Thị P phải trả cho Quỹ trợ vốn Xã V - HTX Thành phố Hồ Chí Minh mỗi tháng là 4.100.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 3.540.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là vào ngày 28/04/2024. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền vay thì bà P không thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Cụ thể bà P còn nợ nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 10/12/2025 là: 14.440.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng, bao gồm nợ vốn: 12.113.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.327.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. 2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; 3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; 4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.*”

[3.5]. Căn cứ giấy báo nợ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định bà Lê Thị P đã nhận đủ số tiền vay và đã vi phạm thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán; hiện bà Lê Thị P còn nợ Quỹ trợ vốn Xã V – HTX TP.HCM tổng số tiền là 14.440.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng; bao

gồm nợ vốn: 12.113.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.327.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6]. Xét yêu cầu về lãi và các khoản phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

- Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với Điều 13, Điều 14 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đối với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận thì nguyên đơn có niêm yết công khai và báo cáo với Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi và phí mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[3.7]. Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Lê Thị P trong trường hợp bà Lê Thị P thanh toán không đầy đủ hoặc không thanh toán:

Xét đơn xin trợ vốn ngày 28/04/2023, giữa Quỹ trợ vốn Xã V - HTX Thành phố Hồ Chí Minh và bà Lê Thị P thì ông Nguyễn Hoàng V có ký cam kết là người trả nợ thay cho bà Lê Thị P.

Do bà Lê Thị P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Lê Thị P trong trường hợp bà Lê Thị P không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn Xã V - HTX Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.8] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.9] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn Xã V – HTX Thành phố Hồ Chí Minh (Quỹ C) đối với bị đơn bà Lê Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc Bà Lê Thị P có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn Xã V – HTX Thành phố Hồ Chí Minh (Quỹ C) tổng cộng số tiền là 14.440.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng; bao gồm nợ vốn: 12.113.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.327.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Lê Thị P thanh toán xong nợ.

- Trường hợp bà Lê Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả tiền cho nguyên đơn thì ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho Quỹ trợ vốn Xã V - HTX Thành phố Hồ Chí Minh theo cam kết bảo lãnh.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị P chịu 722.000 (Bảy trăm hai mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Quỹ trợ vốn Xã V – HTX Thành phố Hồ Chí Minh (Quỹ C) số tiền 733.500 (Bảy trăm ba mươi ba ngàn năm trăm) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0052268 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt, niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND KV10(2);
- Chi cục THADS (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền